

Số: **245/2022/QĐST - HNGĐ**

Chương Mỹ, ngày 06 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 240/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Đặng Ngọc Tiên L, sinh năm 1995.

Đăng ký HKTT: xóm B, thôn Y, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn B, sinh năm 1992

Đăng ký HKTT: Xóm B, thôn Y, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **27 tháng 5 năm 2022** là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Ngọc Tiên L và anh Vũ Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đặng Ngọc Tiên L và anh Vũ Văn B có một con chung là Vũ Văn B, sinh ngày 01/05/2015.

Giao cháu Vũ Văn B Minh cho chị Đặng Ngọc Tiên L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Vũ Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung với chị Đặng Ngọc Tiên L là 1.000.000 đồng /01 tháng kể

từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Ngọc Tiên L và anh Vũ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Đặng Ngọc Tiên L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn*) đồng và chịu án phí dân sự về phần cấp dưỡng nuôi con cho anh Bình là 150.000 (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Chị Đặng Ngọc Tiên L đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí (*theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075943 ngày 27/5/2022*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh L (số 20/2014);
- Lưu VP, HS;

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng L

